

THÔNG BÁO

**V/v Công bố giá vật liệu xây dựng (VLXD) trên địa bàn tỉnh Cà Mau
tháng 02 năm 2022**

I. CƠ SỞ BAN HÀNH

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 5596/UBND-XD ngày 21/9/2020 của UBND tỉnh Cà Mau về việc lập và công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Văn bản số 1408/UBND-XD ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Cà Mau về việc tạm thời phân cấp, ủy quyền quản lý xây dựng công trình theo quy định của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

2. Thông tin từ một số tổ chức, cá nhân có liên quan gồm:

- Nguồn thông tin về giá do Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, Phòng Quản lý đô thị thành phố Cà Mau gửi về Sở Xây dựng và nguồn thông tin trực tiếp Sở Xây dựng nhận được.

- Công ty CP thương nghiệp Bạc Liêu tại Cà Mau, địa chỉ nơi bán: 201 đường Lý Văn Lâm, Phường 1, thành phố Cà Mau; điện thoại 02903.833.796, fax 02903.834.857.

- Chi nhánh Công ty CP Xi măng Thăng Long, địa chỉ: Lô A3, KCN Hiệp Phước, Long Thới, Nhà Bè, TP. HCM; điện thoại 028.3780.0912, fax: 028.3780.0846. Sản phẩm có bán tại một số cửa hàng vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau

- Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long, địa chỉ nơi bán: Các đại lý trên địa bàn thành phố Cà Mau.

- Công ty TNHH thép SeAH Việt Nam; địa chỉ Văn phòng chính 07 Đường 3A KCN Biên Hòa II, Đồng Nai (nơi bán tại các cửa hàng, đại lý trên thành phố Cà Mau); điện thoại 0613.833.733 (hoặc 0909.824.210).



- Công ty CP dây cáp điện Việt Nam (Cadivi), tại các đại lý trên địa bàn thành phố Cà Mau.

- Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera - Chi nhánh Cần Thơ, địa chỉ nơi bán: Các đại lý trên địa bàn thành phố Cà Mau; fax 02923 739 476.

- Công ty Tilawindow - Chi nhánh Cần Thơ, địa chỉ nơi bán: Các đại lý trên địa bàn thành phố Cà Mau; điện thoại trụ sở chính 0710.378.1513, fax 0710.378.2422.

- Công ty TNHH MTV Thương mại Đồng Tâm, địa chỉ nơi bán: 6/1 Lý Thường Kiệt, Khóm 5, Phường 6, thành phố Cà Mau;

- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Thanh Sơn, địa chỉ nơi bán: 29 - 30 Lý Văn Lâm, Phường 1, thành phố Cà Mau; điện thoại 02903.811.567 - 0913.686.286, fax 07803.811.567.

- Công ty TNHH Robot, địa chỉ nơi bán (đại lý Quang Minh): 04 Trung Nhì, Phường 2, thành phố Cà Mau; điện thoại 02903.834.027.

- Công ty TNHH Boral Gypsum VN, địa chỉ nơi bán: các cửa hàng VLXD trên địa bàn thành phố Cà Mau; điện thoại trụ sở chính 083.7818439.

- Công ty CP sản xuất thép Vinaone, địa chỉ sản xuất: Ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An; điện thoại: 0723 989898. Sản phẩm có bán tại một số cửa hàng vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Công ty CP xi măng Công Thanh, địa chỉ nơi bán: Cung cấp hàng tại tỉnh Cà Mau với giá đã công bố khi khách hàng yêu cầu; điện thoại của Văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh 028.3915.1606 -07-09, Fax 028.3915.1604-05.

- Công ty TNHH TM-SX-DV Tín Thịnh, địa chỉ nơi bán (sản phẩm nhựa đường): Cung cấp tại tỉnh Cà Mau với mức giá công bố khi khách hàng có yêu cầu; Điện thoại trụ sở chính: 028.6267.8195 (hoặc 0903.940.588), Fax 028.6267.9843.

- Công ty CP nhựa Tân Tiến, địa chỉ nơi bán: Cửa hàng VLXD trên địa tỉnh Cà Mau, Điện thoại trụ sở chính: 028.3829.89222 - 028.3827.5837, Fax 028.3827.5831.

- Công ty CP bóng đèn Rạng Đông - Chi nhánh Cần Thơ, địa chỉ nơi bán: Cửa hàng Thu Thủy, Phường 8 - 02903.820.029; Việt Quang 2, Phường 7 - 02903.827.676; Quang Thái, Phường 2 - 02903.822.2888; Điện thoại liên hệ tại trụ sở chính: 02903.813.346, Fax: 02903.813.342.

- Công ty CP L.Q JOTON - Chi nhánh Cần Thơ, địa chỉ nơi bán: DNTN Vinh Phát, Lô 177, đường Ngô Quyền, phường 1, thành phố Cà Mau, điện thoại 02903 831 696; Cty TNHH Hậu Sơn, đường Phan Ngọc Hiển, khóm 2, phường 9, thành phố Cà Mau, điện thoại 0918 550 218; Điện thoại liên hệ tại trụ sở chính: 02903.765.108, 02903 527 096 Fax: 02903.765.118.

- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei, địa chỉ nơi bán: Công ty CP thương nghiệp Bạc Liêu tại Cà Mau, Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Thanh Sơn;

- VLXD Thành Lộc - địa chỉ nơi bán: Khóm 4, Thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; điện thoại 02902 231 253.

- Công ty TNHH MTV Kim Sơn - địa chỉ nơi bán: Khóm 4, Thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau; điện thoại 0919 580 680.

- Công ty TNHH Huỳnh Đức - địa chỉ nơi bán: Khóm 4, Thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Công ty TNHH MTV Chín Minh - địa chỉ nơi bán: Khóm 2, Thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; điện thoại 02903 877 164.

- VLXD Tư Tài - địa chỉ nơi bán: Khóm 2, Thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; điện thoại 02903 877 027.

- VLXD Tô Rở - địa chỉ nơi bán: Ấp Đồng Tâm, Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; điện thoại 07803 883 590.

- Cửa hàng VLXD Thanh Liêm - địa chỉ nơi bán: Khóm 3, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; điện thoại 0985 100 299.

- Cửa hàng VLXD Phương Vũ - địa chỉ nơi bán: Ấp Ngọc Tuấn, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- DNTN Hoàng Gia Bảo - địa chỉ nơi bán: Khóm 8, Thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; điện thoại 0918 606 581.

- Công ty TNHH MTV TM-DV Tám Công - địa chỉ nơi bán: Khóm 8, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Công ty TNHH MTV Lộc Sơn Ngọc Hiển - địa chỉ nơi bán: Ấp Lạch Vàm, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; điện thoại 02903 870 731 – 0919 131 964.

- Công ty Cổ phần VLXD Phú Tân - địa chỉ nơi bán: Ấp Tân Nghĩa, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; điện thoại 0918 223 589.

- Cửa hàng VLXD Huỳnh Mai - địa chỉ nơi bán: Ấp Tân Nghĩa, xã Rạch Chèo, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Cửa hàng VLXD Lữ Hồng (Nguyễn Phúc) - địa chỉ nơi bán: Ấp Vàm Đình, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; điện thoại 0913 697 969 - 02903886 213.

- Cửa hàng VLXD Út Tươi - địa chỉ nơi bán: Ấp Vàm Đình, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- DNTN Huỳnh Lâm - địa chỉ nơi bán: Ấp 4, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; điện thoại 0918 895 456.

- DNTN Lê Tùng - địa chỉ nơi bán: Khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; điện thoại 0918 895 456.

- Công ty TNHH MTV Phát Cường - địa chỉ nơi bán: Ấp 4, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; điện thoại 0919 449 904.

- DNTN Lê Út - địa chỉ nơi bán: Ấp 8, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; điện thoại 0949 361 414.

- Công ty TNHH Xây dựng Quang Tiền - địa chỉ nơi bán: Khu CN Khánh An, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; điện thoại: 02903 581 230.

- Trang web <https://www.pvoil.com.vn/truyen-thong/tin-gia-xang-dau>.

- Ngoài ra Sở Xây dựng còn căn cứ một số nguồn thông tin phản ánh trực tiếp khác như từ một số nhà thầu thi công xây dựng, chủ đầu tư...

II. NỘI DUNG: Theo Phụ lục đính kèm

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LƯU Ý KHI SỬ DỤNG

1. Khi xác định chi phí cho công trình cụ thể phải khảo sát tính toán từ nhiều nguồn cung cấp vật tư, nhiều phương thức có thể thực hiện vận chuyển vật tư, sau đó lựa chọn nguồn và phương thức cung cấp vật tư hiệu quả để áp dụng cho công trình.

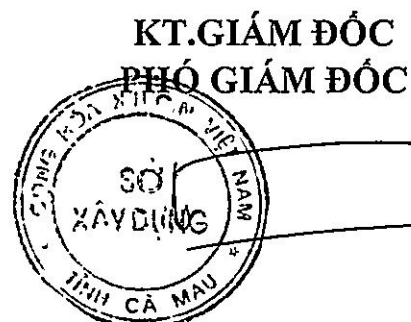
2. Việc tính toán chi phí vận chuyển đến hiện trường xây dựng theo định mức mới nhất do Bộ Xây dựng ban hành và đơn giá nhân công, ca máy và thiết bị thi công do Sở Xây dựng ban hành theo ủy quyền của UBND tỉnh. Trường hợp không có định mức do Bộ Xây dựng ban hành thì mới được sử dụng đơn giá vận chuyển, bốc xếp do Sở Xây dựng ban hành.

3. Các tổ chức cá nhân có liên quan khi sử dụng thông tin về giá vật liệu xây dựng để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình có trách nhiệm lựa chọn loại vật liệu xây dựng thông dụng, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, phổ biến trên thị trường khi lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng đảm bảo tiết kiệm chi phí, hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án.

4. Đối với dự án, công trình có khối lượng lớn vật liệu được cung cấp trực tiếp từ ngoài tỉnh (như cát, đá,...) thì chủ đầu tư tổ chức khảo sát, xác định giá cho phù hợp./

Nơi nhận:

- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, P.QLXD, dhđ 05/08.



Phan Thế Bạo



PHỤ LỤC

DANH SÁCH VẬT LIỆU XÂY DỰNG (VND) THÁNG 02 NĂM 2022

Số 636 /TB-SXD ngày 10/3/2022 của Sở Xây dựng (Cà Mau)

Đơn vị tính: đồng

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	HỆ CHUẨN KỸ THUẬT/QUY CÁCH/NHÀ SẢN XUẤT/NGUỒN	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI LÚC	HUYỆN ĐAM DỜI	HUYỆN NAM CÁN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHU THÂN		HUYỆN THỜI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ở TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI LÚC	XÃ PHU THÂN	TT. THỜI BÌNH	XÃ TÂN BANG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
1	Xi măng các loại Xi măng Cinwestco PCB 40 Xi măng Thăng Long PCB40 Xi măng Hà Tiên PCB40 Xi măng Nghi Sơn PC40 Xi măng Insee (Hoà Cầm, Sao Mai) PC40 Xi măng Vicem Hà Long PCB40 Xi măng Công Thành PCB40 Xi măng Tây Đô PCB40 Xi măng pooc lăng bền Sunphat PCB40-MS Xi măng trắng Hải Phòng Xi măng trắng Thái Lan	Bao (50 kg) Bao (40 kg)	TCVN 6260-2009 TCVN 7711:2007	76 000 88 000 75 000 76 000 95 000 75 000 88 500 76 000 95 000 160 000 164 000	78 000	88 000 98 000 85 000	88 000 98 000	96 000 102 000	95 000	90 000 95 000	94 000	87 000 97 000	84 000	90 000 100 000	82 000 85 000	79 000 95 000	
2	Cát các loại Cát đen san lấp Cát vàng	m ³	Nguồn gốc ở An Giang, Kiên Giang	225 000 240 000	220 000 225 000	255 000 280 000	220 000 240 000	270 000 290 000	320 000	250 000 260 000	260 000	223 000 240 000	260 000	250 000 265 000	220 000 250 000	255 000	
3	Đá các loại Đá 1x2cm Đá 4x6cm	m ³	TCVN 7509-2006/ Nguồn gốc ở An Giang, Kiên Giang	425 000 390 000	415 000 375 000	423 000 413 000	420 000 410 000	430 000 400 000	490 000 450 000	435 000 425 000	445 000 425 000	410 000 393 000	400 000 380 000	445 000 425 000	430 000 400 000	430 000 397 000	
4	Gạch xây các loại Gạch rỗng đất nung 80x80x180mm Gạch đặc đất nung 40x80x180mm Gạch ống bê tông 80x80x180mm Mác 7,5 Mpa Gạch ống bê tông 80x80x180mm Mác 5,0 Mpa Gạch ống bê tông 40x80x180mm Mác 7,5 Mpa Gạch ống bê tông 40x80x180mm Mác 5,0 Mpa Gạch tau 300x300mm loại 1 Gạch vỉa hè 300x300x50mm (Sản phẩm của Công ty TNHH XD Quang Tiến) Gạch vỉa hè (bê tông màu) 300x300x50mm (Sản phẩm của Công ty TNHH SX-TM Phúc Thành) Gạch vỉa hè (ép thủy lực) 300x300x50mm (Sản phẩm của Công ty TNHH SX-TM Phúc Thành) Vữa xây xám GT-01 Vữa tô xám GT-01 Bát treo tường	Viên m ² Bao (50kg) cái	TCVN 6477:2016 TCVN 7744:2013	1 200 1 200 1 500 1 350 1 450 1 200 5 000 128 800 117 600 194 000 170 000 3 000	1 150 1 150	1 250 1 200	1 200 1 150	1 150 1 300	1 350 1 000 1 300 1 000	1 000 1 300 1 200	1 130 1 130	1 000 1 000	1 050 1 250	1 000 900	1 150 1 150	150 000	Giao tại kho bên bán
5	Gạch ốp lát các loại																

SỐ TT	TÊN VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/QUY CÁCH/NHÀ SẢN XUẤT/XUẤT NHẬP	TỶ LỆ CẠM MẠI		HUYỆN CÁI LỘC	HUYỆN ĐÀM ĐOÀI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỆP	HUYỆN PHU LÂN		HUYỆN THỜI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN CÁI MÌNH	GHI CHÚ
				NỘI LỘ TỶ LỆ CẠM MẠI	NĂM TÁC VĂN					TỶ LỆ CẠM ĐỐI VỚI CẠM	NĂM PHU THUẬN	TỶ LỆ THỜI BÌNH	NĂM TÁC BẢNG	TỶ LỆ TRẦN VĂN THỜI	TỶ LỆ SÔNG ĐỐC		
	<i>Gạch Đồng Tâm (Loại A1)</i>		TCVN 6414:1998														
	60x60cm (CI ASSIC từ 007, 009 - 010)	Viên		92 520													
	60x60cm (HAI/VAN 001-FP)			102 240													
	60x60cm (ĐB 006 - 014 - NANCO)			114 480													
	60x60cm (TRUONGSON NN 006)	"		97 920													
	50x50cm (GUSAN 004)	"		48 500													
	50x50cm (HOANG SA VN)	"		74 250													
	50x50cm (TRUONG SA VN)	"		74 250													
	40x40cm (Mã sản phẩm từ 456 đến 485)			23 200													
	40x40cm (Mã sản phẩm 426)	"		24 800													
	40x40cm (I ASH N 001)	"		28 640													
	40x40cm (SAPA 001)	"		29 920													
	30x30cm (Mã sản phẩm 300, 345, 387)	"		14 670													
	30x30cm (FOSSIL từ 001, 002)	"		16 110													
	30x30cm (NUHOANG 002)	"		16 110													
	30x30cm (ONIX từ 010 - 012)	"		19 260													
	25x40cm (CARO) từ 018, 019)	"		14 100													
	25x40cm (HOADA từ 001 đến 002)	"		14 100													
	25x40cm (TRANCHAU 001)	"		15 000													
	25x40cm (TAMDAO 001)	"		15 000													
	30x60cm (CARARAS 002)	"		39 600													
	30x60cm (NUHOANG 002)	"		39 600													
	30x60cm (ONIX từ 010 đến 013)	"		42 840													
	30x60cm (GALAXY 001, 002)	"		45 540													
	25x20cm (Mã sản phẩm 2520, 2541)	"		7 000													
	25x25cm (CARARAS001)	"		8 813													
	25x25cm (CARO 019)	"		8 813													
	25x25cm (HOADA 002)	"		8 813													
	<i>Gạch Taicera</i>																
	<i>Gạch men</i>		TCVN 6414:1998														
	25x25cm	m ²		135 294													
	25x40cm	"		137 647													
	<i>Gạch thạch anh</i>																
	30x30cm (màu nhạt)	m ²		150 818													
	30x30cm (màu đậm)	"		155 591													
	40x40cm (màu nhạt)	"		141 273													
	60x30cm (màu nhạt)	"		214 773													
	60x30cm (màu đậm)	"		238 636													
	60x60cm (màu nhạt)	"		214 773													
	60x60cm (màu đậm)	"		238 636													
	<i>Gạch thạch anh bóng kiếng</i>																
	60x60cm (màu nhạt)	m ²		176 591													
	60x60cm (màu đậm)	"		233 864													
	80x80cm (màu nhạt)	"		248 182													
	80x80cm (màu đậm)	"		329 318													
	100x100cm	"		386 591													

SỐ TT	TÊN VÀI TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/QUY CÁCH/NHÀ SẢN XUẤT/NÚA/NÚ	TỶ CẠM MẠI		HUYỆN CẠI NƯỚC	HUYỆN ĐAM ĐOI	HUYỆN NẤM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHU TÂN		HUYỆN THỜI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN MINH	GHI CHÚ
				NỘI LỘ TỶ CẠM MẠI	NẤ TẠC VÂN					TỶ CẠI ĐỐI VỚI VÂN	NẤ PHU THUAN	TỶ THỜI BÌNH	NẤ TÂN BANG	TỶ TRẦN VĂN THỜI	TỶ SÔNG ĐỐC		
6	Ngôi (Đồng Lâm - Loại AA, nhóm 01 màu) Ngôi lớp Ngôi nóc Ngôi ria Ngôi đuôi (cuối mai) Ngôi ốp cuối nóc Ngôi ốp cuối ria Ngôi chữ T Chạc 2 (góc vuông) Chạc 3 Chạc 4	Vien		14 300 24 200 24 200 34 100 39 600 39 600 53 900 39 600 53 900 53 900													
7	Tấm lợp các loại Tôn của Công ty Vina One Tôn lạnh Vina One AZ100 Tôn dày 0,4 mm khổ 1,07m Tôn dày 0,45 mm khổ 1,07m Tôn dày 0,5 mm khổ 1,07m Tôn lạnh màu Vina One Tôn dày 0,40 mm khổ 1,07m Tôn dày 0,45 mm khổ 1,07m Tôn dày 0,5 mm khổ 1,07m	m " " " " " " " "		125 850 139 072 152 722 129 808 143 061 154 021													
8	Gỗ xây dựng Gỗ dàu xẻ dài > 4m (xây dựng) Ván thông xẻ	m³ " "	TCVN 7072-1971 Miền Đông, Lào Đá Lạt, Komtum	16 250 000 8 550 000													
9	Sắt xây dựng các loại Thép Vicasa Sắt tròn trơn D = 6mm Sắt tròn trơn D = 8mm Sắt tròn gân D = 10mm Sắt tròn gân D = 12mm Sắt tròn gân D14 - D32mm Thép Vina Kyoei Sắt tròn trơn D = 6mm (mác thép CB240-T/CB300-T/SWRM12/CT13) Sắt tròn trơn D = 8mm (mác thép CB240-T/CB300-T/SWRM12/CT6) Sắt tròn gân D = 10mm (mác thép CB300V/SD295A) Sắt tròn gân D12-D32mm (mác thép CB300V/SD295A) Thép vuông, hộp, ống kẽm Vina One Vuông hộp ống kẽm, độ dày 1 00-2 00mm Vuông hộp ống kẽm, độ dày 2 05-3 00mm Vuông hộp ống kẽm, độ dày 3 00-5 00mm Vuông hộp ống kẽm, độ dày >5 00mm	Kg " " " " " " Kg " " " " " " " "	TCVN 1765-75 TCVN 1651-2 2008	19 150 19 150 17 150 18 400 18 450 19 470 19 415 19 415 19 250 28 600 30 700 31 200 31 200	19 450 19 450	22 000 22 000 17 700 19 300 19 300	21 750 21 750 17 850 19 500 19 500	23 000 23 000 18 850 21 550 19 800	23 000 21 150 17 750 21 550 18 800	21 500 21 500	20 400 20 400 19 050 19 550 19 550	21 000 20 000 18 000 18 750 19 450	23 000 23 000 18 350 19 375 19 200	22 000 22 000 18 700 19 250 18 350	20 750 20 750 17 650 19 000 19 100		

Trang 3

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VÂM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Sơn nước và bột trét tường Đồng Tâm																
	* Sơn EXTRA																
	Extra nội thất	Thùng (18 lít)		1 180 000													
	Extra ngoại thất	"		1 939 000													
	* Sơn Standard																
	Standard nội thất	Thùng (18 lít)		778 000													
	Standard ngoại thất	"		1 202 000													
	* Sơn lót Sealer																
	Sealer nội thất	Thùng (18 lít)		1 340 000													
	Sealer ngoại thất	"		1 839 000													
	* Bột trét tường																
	Assure nội thất	Bao (40 kg)		272 000													
	Assure Plus ngoại thất	"		325 000													
	Glory nội thất	"		357 500													
	Glory ngoại thất	"		393 000													
	Sân phẩm bột trét và sơn phủ SPEC GO GREEN		OCVN 16 2014/BXD														
	Bột trét tường nội thất SPEC GO GREEN FILLER FOR INT	Bao (40 kg)		285 000													
	Bột trét tường ngoại thất SPEC GO GREEN FILLER FOR EXT	"		410 000													
	Bột trét tường nội, ngoại thất SPEC GO GREEN FILLER FOR INT & EXT	"		370 000													
	Sơn lót Spec xanh ngoại thất SPEC GO GREEN PRIMER FOR EXTERIOR	Thùng (18 lít)		2 900 000													
	Sơn lót Spec xanh nội thất SPEC GO GREEN PRIMER FOR ERIOR	"		2 100 000													
	Sơn Spec xanh nội thất thối thực vết bẩn SPEC GO GREEN FRESHER INT	"		2 678 000													
	Sơn Spec xanh nội thất mờ có diện cao cấp, thối thực vết bẩn SPEC GO GREEN VIEW INT	"		2 462 000													
	Sơn Spec xanh ngoại thất SPEC GO GREEN PANO EXT	"		2 987 000													
	Sơn chống thấm Spec xanh ngoại thất SPEC GO GREEN FEXX EXTERIOR	"		2 870 000													
	Sân phẩm bột trét và sơn phủ cao cấp MYKOLOR																
	Bột trét tường cao cấp dùng trong nhà và ngoài trời Mykolor Filler Interior & Exterior	Bao (40kg)		270 000													
	Sơn lót chống kiềm ngoại trời góc nước Mykolor Alkali Lock Interior	Thùng (25kg)		1 478 000													
	Sơn lót chống kiềm trong nhà góc nước Mykolor Alkali Lock Interior	"		1 150 000													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ồ TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VĂM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Sơn phủ nội thất cao cấp Acrylic Ilka Finish	"		1 550 000													
	Sơn phủ nội thất cao cấp Acrylic Classic Finish	"		1 790 000													
	Sơn phủ nội thất diệt khuẩn và chống bám bẩn SPLUS (các màu thường)	Thùng (6,8kg)		630 000													
	Sơn phủ nội thất diệt khuẩn và chống bám bẩn SPLUS (các màu đặc biệt phải pha chế riêng)	"		690 000													
	Sơn phủ ngoại thất Acrylic Semigloss Finish (các màu thường)	"		1 180 000													
	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Acrylic Semigloss Finish (các màu đặc biệt phải pha chế riêng)	"		1 290 000													
	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Acrylic Ultra Finish (các màu thường)	"		1 650 000													
	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Acrylic Ultra Finish (các màu đặc biệt phải pha chế riêng)	"		1 850 000													
	Sơn phủ chống nóng nội và ngoại thất Koolkot Finish	"		689 000													
	Sản phẩm bột trét và sơn phủ JOTON		QCVN 16 2014/BXD														
	* Sơn ngoại thất																
	Sơn nước ngoại thất - ATOM SUPPER	Thùng (18 lít)		2 394 000													
	Sơn nước ngoại thất - ATOM SUPPER (Màu *)	"		2 634 000													
	* Sơn nội thất	"															
	Sơn nước nội thất - NEW FA	"		1 382 000													
	Sơn nước nội thất - ACCORD	"		952 000													
	* Bột Joton																
	Bột trét tường cao cấp ngoại thất	Bao (40 kg)		370 500													
	Bột trét tường cao cấp nội thất	"		282 000													
13	Vật tư ngành điện																
	Dây cáp (Cadivi)																
	Dây AV-16-0,6/1kV	m		8 063													
	Dây AV-35-0,6/1kV	"		14 795													
	Dây AV-120-0,6/1kV	"		46 200													
	Dây AV-500-0,6/1kV	"		183 480													
	Cáp điện lực hạ thế (Cadivi)																
	CV-1 5 (7/0 52) -0,6/1kV	"		6 864													
	CV-2 5 (7/0 67) -0,6/1kV	"		11 198													
	CV-10 (7/1 35) -0,6/1kV	"		41 206													
	CV-50-0,6/1kV	"		186 241													
	CV-240-0,6/1kV	"		935 803													
	CV-300-0,6/1kV	"		1 173 766													
	Cầu dao điện (Cadivi)																
	20A-2pha	Cái		36 410													
	30A-3pha	"		74 580													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM ĐƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VÂM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỜI BÌNH	XÃ TÂN BÀNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	20A-3pha	"		72 270													
	Bộ đèn điện Duhal (chưa bao gồm bóng 0,6m và 1,2m)	"															
	Đèn siêu mỏng DTF 120 loại 01 bóng dài 0,6m (617x56x60)	"		80 000													
	Đèn siêu mỏng DTF 220 loại 02 bóng dài 0,6m (617x95x82)	"		100 000													
	Đèn siêu mỏng DTF 140 loại 01 bóng dài 1,2m (1225x56x60)	"		95 000													
	Đèn siêu mỏng DTF 240 loại 02 bóng dài 0,6m (1225x95x82)	"		165 000													
	Đèn siêu mỏng HTF 120 loại 01 bóng dài 0,6m (625x50x60)	"		80 000													
	Đèn siêu mỏng HTF 140 loại 02 bóng dài 1,2m (1250x50x60)	"		110 000													
	Đèn siêu mỏng MTF 120 loại 01 bóng dài 0,6m (625x49x23)	"		110 000													
	Đèn siêu mỏng MTF 140 loại 02 bóng dài 0,6m (1235x49x23)	"		135 300													
	Đèn ốp trần ốp trần cao cấp LSR 122/O (hoặc LSR 122/P) loại 01 bóng tròn 22W đường kính 270mm	"		180 000													
	Đèn ốp trần ốp trần cao cấp LSR 132/O (hoặc LSR 132/P) loại 01 bóng tròn 32W đường kính 340mm	"		240 000													
	Đèn ốp trần ốp trần cao cấp LKV 122/O (hoặc LKV 122/P) loại 01 bóng vuông 22W kính thước 310x310x66mm	"		150 000													
	Đèn ốp trần ốp trần cao cấp LKV 132/O (hoặc LKV 132/P) loại 01 bóng vuông 32W kính thước 357x357x66mm	"		205 000													
	Đèn ốp trần ốp trần cao cấp LSE 19/N (hoặc LSE 19/W) loại 01 bóng vuông 13W compact kính thước 270x151x100mm	"		140 000													
	Đèn đường HDD400, bóng cao áp 150W- 400W	"		1 419 000													
	Đèn đường LSL400, bóng cao áp 250W- 400W (650x460x185)	"		1 901 900													
	Đèn sân vườn, trụ tường LTV112 vuông 213x213x270	"		276 100													
	Đèn sân vườn, trụ tường LTV113 vuông 210x210x1010	"		521 400													
	Đèn Halogen âm trần DH2004 (hoặc DH2005) đường kính 85mm, cao 66mm	"		27 500													
	Đèn Halogen âm trần DH2045 đường kính 180mm, cao 85m	"		33 000													

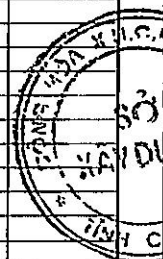
CÁI LẬM *

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐĂM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VÀM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Đèn Halogen âm trần DH2017 đường kính 78mm, cao 60m	"		13 200													
	Đèn thoát hiểm 02 mặt gắn âm LSA	"		1 026 300													
	Đèn thoát hiểm 02 mặt gắn nổi LSN	"		1 015 300													
	Đèn thoát hiểm 01 mặt LSD	"		1 054 900													
	Đèn thoát hiểm loại kính LSM	"		466 400													
	Bóng đèn điện quang																
	Loại tròn 75 W	Bóng		7 000													
	Đèn led tube LEDFX06 (18W daylight, thân liền 1,2m, TU06)	Bộ	TCVN 722-1 2009	123 000													
	Đèn led tube LEDFX06 (9W daylight, thân liền 0,6m, TU06)	"		92 000													
	Đèn chiếu sáng công trình, đèn ốp trần (đã gồm bóng) Rạng Đông																
	Bộ đèn chiếu sáng HQ T8 18W x 1 M9G - Balat điện tư	"	TCVN 7722-1 2009/ IEC 60598-1 2008	116 600													
	Bộ đèn chiếu sáng HQ T8 36W x 1 M9G - Balat điện tư	"	//	130 900													
	Bộ đèn ốp trần 15W (CL-04 15 3UT3)	"	//	114 400													
	Bộ đèn ốp trần 16W (CL-01-16)	"	//	118 800													
	Bộ đèn ốp trần 28W (CL-03-28)	"	//	158 400													
	Bộ đèn ốp trần Led (LED CL-01) 8W - Trắng, vàng	"	//	347 600													
	Đèn chiếu sáng lớp học FS40/36x1 CM1*E	"	//	499 400													
	Đèn chiếu sáng lớp học FS40/36x2 CM1*E	"	//	649 000													
	Đèn chiếu sáng bảng FS40/36x1 CM1*E BACS	"	//	561 000													
	Đèn thoát hiểm, chiếu sáng khẩn cấp Rạng Đông																
	Đèn LED EXIT 40 20S (1 mặt)	Cái	IEC 60598-2-22	368 500													
	Đèn LED EXIT 40 20S (2 mặt)	"	//	396 000													
	Đèn LED EM 2W	Bộ	//	370 700													
14	Ôn áp các loại																
	* Ôn áp HANSINCO ®																
	3 pha (Input 320-420V, Output 380V)																
	10KVA	Cái		9 840 000													
	20KVA	"		18 580 000													
	30KVA	"		25 008 000													
	50KVA	"		41 255 000													
	80KVA	"		60 400 000													
	100KVA	"		74 645 000													
	200KVA	"		134 650 000													
	1 pha (90V-240V)																
	10KVA (BX)	Cái		8 100 000													
	15KVA	"		11 575 000													
	20KVA	"		14 540 000													
	25KVA	"		20 390 000													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI DỐI VÀM	XÃ PHÚ TRUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	30KVA	..		23 775 000													
	40KVA	..		26 950 000													
	50KVA	..		40 710 000													
	60KVA	..		45 040 000													
	* Ôn áp ROBOT																
	Ôn áp Servo Robot 03 pha Input 380V																
	10KVA	Cái		8 400 000													
	15KVA	..		12 800 000													
	20KVA	..		19 100 000													
	25KVA	..		23 100 000													
	30KVA	..		26 100 000													
	45KVA	..		36 900 000													
	60KVA	..		51 200 000													
	75KVA	..		59 400 000													
	100KVA	..		82 500 000													
	120KVA	..		97 000 000													
	150KVA	..		113 000 000													
	180KVA	..		155 000 000													
	200KVA	..		174 000 000													
	Ôn áp Servo Robot 01 pha																
	10KVA, dây điện áp 90 - 240V	Cái		6 600 000													
	10KVA, dây điện áp 60 - 240V	..		8 600 000													
	15KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		11 300 000													
	15KVA, dây điện áp 60 - 240V	..		11 400 000													
	20KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		16 800 000													
	20KVA, dây điện áp 60 - 240V	..		18 500 000													
	25KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		19 800 000													
	30KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		24 200 000													
	40KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		35 500 000													
	50KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		40 200 000													
	60KVA, dây điện áp 90 - 240V	..		45 800 000													
15	Vật tư ngành nước																
	Ống uPVC Tiền Phong		ISO 1452-2 2009														
	Ống																
	Ống uPVC D21x1 2mm	m		10 300													
	Ống uPVC D21x1 6mm	..		13 800													
	Ống uPVC D21x2 4mm	..		16 500													
	Ống uPVC D27x1 3mm	..		13 100													
	Ống uPVC D27x1 6mm	..		15 800													
	Ống uPVC D27x2 0mm	..		17 700													
	Ống uPVC D27x3 0mm	..		24 900													
	Ống uPVC D34x1 3mm	..		15 800													
	Ống uPVC D34x1 7mm	..		20 100													
	Ống uPVC D34x2 0mm	..		24 400													
	Ống uPVC D34x3 8mm	..		40 000													
	Ống uPVC D42x1 5mm	..		23 300													
	Ống uPVC D42x2 0mm	..		31 200													
	Ống uPVC D42x2 5mm	..		36 400													
	Ống uPVC D42x3 2mm	..		44 100													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI DỐI VÀM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Ông uPVC D49x2 9mm	..		45 400													
	Ông uPVC D49x3 6mm	..		55 600													
	Ông uPVC D60x1 5mm	..		36 900													
	Ông uPVC D60x2 3mm	..		53 500													
	Ông uPVC D60x2 9mm	..		64 600													
	Ông uPVC D60x4 5mm	..		95 300													
	Ông uPVC D90x2 2mm	..		69 600													
	Ông uPVC D90x2 7mm	..		79 400													
	Ông uPVC D90x4 3mm	..		122 400													
	Ông uPVC D90x5 4mm	..		162 500													
	Ông uPVC D110x2 7mm	..		103 600													
	Ông uPVC D110x4 2mm	..		165 300													
	Ông uPVC D110x5 3mm	..		182 100													
	Ông uPVC D160x4 0mm	..		204 100													
	Ông uPVC D160x4 7mm	..		239 200													
	Ông uPVC D160x6 2mm	..		316 100													
	Ông uPVC D160x7 7mm	..		379 900													
	Ông uPVC D225x5 5mm	..		401 900													
	Ông uPVC D225x6 6mm	..		468 100													
	Ông uPVC D225x8 6mm	..		618 800													
	Nối thẳng																
	Loại 10 bar																
	Đường kính 21	Cái		1 700													
	Đường kính 27	..		2 200													
	Đường kính 34	..		2 400													
	Đường kính 42	..		4 200													
	Đường kính 48	..		5 400													
	Đường kính 60	..		9 200													
	Đường kính 75	..		13 000													
	Đường kính 90	..		40 900													
	Đường kính 110	..		60 500													
	Đường kính 160	..		158 200													
	Đường kính 225 (6 bar)	..		267 600													
	Co 90 (90 Elbow)	Cái															
	Loại 10 bar																
	Đường kính 21	..		1 800													
	Đường kính 27	..		2 800													
	Đường kính 34	..		4 200													
	Đường kính 42	..		6 800													
	Đường kính 48	..		10 700													
	Đường kính 60	..		21 900													
	Đường kính 75	..		51 200													
	Đường kính 90	..		60 000													
	Đường kính 110	..		92 800													
	Đường kính 160	..		367 300													
	Tê																
	Loại 10 bar																
	Đường kính 21	Cái		2 800													
	Đường kính 27	..		4 700													
	Đường kính 34	..		6 300													
	Đường kính 42	..		9 000													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ồ TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VẢM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Đường kính 48	"		13 300													
	Đường kính 60	"		21 100													
	Đường kính 75	"		54 200													
	Đường kính 90	"		85 800													
	Đường kính 110	"		117 200													
	Đường kính 160	"		386 300													
	Đường kính 225 (6 bar)	"		1 081 900													
	Ống và phụ tùng nhựa Tân Tiến																
	Khẩu nối (màng song)		BS3505-1968														
	Có PVC 21	Cái		2 420													
	Có PVC 27	"		3 850													
	Có PVC 34	"		5 610													
	Có PVC 42	"		5 830													
	Có PVC 49	"		9 130													
	Có PVC 60	"		14 190													
	Có PVC 75 (76)	"		28 160													
	Có PVC 90	"		28 820													
	Có PVC 114	"		60 610													
	Có PVC 168	"		235 730													
	Có PVC 220	"		515 790													
	Có (loại 90 độ)		BS3505-1968														
	Có PVC 21	Cái		2 420													
	Có PVC 27	"		3 850													
	Có PVC 34	"		5 610													
	Có PVC 42	"		8 470													
	Có PVC 49	"		13 090													
	Có PVC 60	"		21 010													
	Có PVC 75 (76)	"		40 480													
	Có PVC 90	"		52 250													
	Có PVC 114	"		120 450													
	Có PVC 168	"		395 340													
	Có PVC 220	"		676 830													
	Chức T2		BS3505-1968														
	Có PVC 21	Cái		3 190													
	Có PVC 27	"		5 280													
	Có PVC 34	"		8 470													
	Có PVC 42	"		11 220													
	Có PVC 49	"		16 830													
	Có PVC 60	"		28 600													
	Có PVC 75 (76)	"		54 450													
	Có PVC 90	"		71 940													
	Có PVC 114	"		146 960													
	Có PVC 168	"		531 520													
	Có PVC 220	"		900 790													
	Ống và phụ tùng nhựa Tiền phong																
	Ống (loại PN10)																
	Ống HDPE D90x4 3mm	m	ISO 4427-2007	109 700													
	Ống HDPE D110x6 6mm	"	"	166 200													
	Ống HDPE D125x7 4mm	"	"	209 800													
	Ống HDPE D140x8 3mm	"	"	261 900													
	Ống HDPE D160x9 5mm	"	"	344 200													



SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐĂM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI ĐÔI VÀM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Ống HDPE D180x10 7mm			433 300													
	Ống HDPE D200x11 9mm			543 000													
	Ống HDPE D225x13 4mm			667 400													
	Ống HDPE D250x14 8mm			826 900													
	Ống HDPE D280x16 6mm			1 030 300													
	Ống HDPE D315x18 7mm			1 312 000													
	Ống HDPE D355x21 1mm			1 667 300													
	Ống HDPE D400x23 7mm			2 118 600													
	Ống HDPE D450x26 7mm			2 677 100													
	Ống HDPE D500x29 7mm			3 329 100													
	Ống HDPE D560x33 2mm			4 501 000													
	Ống HDPE D630x37 4mm			5 701 000													
	<i>Co 90 (loại PN10)</i>																
	Ống HDPE D90	Cái		98 600													
	Ống HDPE D110			150 500													
	Ống HDPE D125			222 600													
	Ống HDPE D140			283 600													
	Ống HDPE D160			378 100													
	Ống HDPE D180			486 900													
	Ống HDPE D200			612 900													
	Ống HDPE D225			795 800													
	Ống HDPE D250			1 003 200													
	Ống HDPE D280			1 283 700													
	Ống HDPE D315			1 699 400													
	Ống HDPE D355			3 176 300													
	Ống HDPE D400			4 129 700													
	Ống HDPE D450			5 370 600													
	Ống HDPE D500			6 829 200													
	<i>Chốt T2</i>																
	Ống HDPE D90	Cái		129 000													
	Ống HDPE D110			196 100													
	Ống HDPE D125			254 100													
	Ống HDPE D140			323 200													
	Ống HDPE D160			432 000													
	Ống HDPE D180			557 000													
	Ống HDPE D200			702 300													
	Ống HDPE D225			912 800													
	Ống HDPE D250			1 151 500													
	Ống HDPE D280			1 475 800													
	Ống HDPE D315			1 936 200													
	Ống HDPE D355			3 560 400													
	Ống HDPE D400			4 638 900													
	Ống HDPE D450			6 044 500													
	Ống HDPE D500			7 701 200													
	Hệ thống hồ ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới (Loại bê tông cốt sợi (BTCS) thành mỏng đúc sẵn)		TCVN 10033-1 2014														
	Hệ thống hồ ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới F2 BTCS đúc sẵn - Vía hè	Bộ	"	8 901 000													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ồ TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI DÔI VÂM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BĂNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Hệ thống hồ ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới F2 BTCS đúc sẵn - Lòng đường	"	"	9 270 000													
	Hệ thống hồ thu nước mưa và ngăn mùi hợp khối KT 760x580x1470mm	"	"	8 999 000													
16	Bồn nước																
	Bồn nước inox Toàn Mỹ (gồm cả chân đế inox)		TC 15-2007/TM														
	Bồn đứng 500 lít	cái		2 300 000													
	Bồn nằm 500 lít	"		2 400 000													
	Bồn đứng 1000 lít	"		3 170 000													
	Bồn nằm 1000 lít	"		3 380 000													
	Bồn đứng 1500 lít	"		4 800 000													
	Bồn nằm 1500 lít	"		5 450 000													
	Bồn đứng 2000 lít (dày 0,7mm)	"		6 500 000													
	Bồn nằm 2000 lít (dày 0,7mm)	"		6 840 000													
	Bồn đứng 2500 lít (dày 0,9mm)	"		9 720 000													
	Bồn nằm 2500 lít (dày 0,9mm)	"		11 750 000													
	Bồn đứng 3000 lít (dày 0,9mm)	"		11 500 000													
	Bồn nằm 3000 lít (dày 0,9mm)	"		11 180 000													
	Bồn nước inox Đại Thành (gồm cả chân đế inox)																
	Bồn đứng 500 lít	cái		1 850 000													
	Bồn nằm 500 lít	"		2 000 000													
	Bồn đứng 1000 lít	"		2 870 000													
	Bồn nằm 1000 lít	"		3 080 000													
	Bồn đứng 1500 lít	"		4 225 000													
	Bồn nằm 1500 lít	"		4 455 000													
	Bồn đứng 2000 lít	"		5 640 000													
	Bồn nằm 2000 lít	"		5 880 000													
	Bồn đứng 2500 lít	"		7 115 000													
	Bồn nằm 2500 lít	"		7 235 000													
	Bồn đứng 3000 lít	"		8 220 000													
	Bồn nằm 3000 lít	"		8 460 000													
	Bồn nước inox Đại Phát (gồm cả chân đế inox)																
	Bồn nằm 500 lít	cái		2 420 000													
	Bồn nằm 1000 lít	"		3 890 000													
	Bồn nằm 1500 lít	"		5 820 000													
	Bồn nằm 2000 lít	"		7 690 000													
	Bồn đứng 500 lít	"		2 220 000													
	Bồn đứng 1000 lít	"		3 670 000													
	Bồn đứng 1500 lít	"		5 550 000													
	Bồn đứng 2000 lít	"		7 420 000													
17	Tấm trần, vách các loại																
	Trần thạch cao, vách ngăn Lê Trần		ASTM 1396-04, BS EN 520-2004, ASTM C635/C635M ASTM C645														

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐĂM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI DÔI VÀM	XÃ PHÚ THUAN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Trần nổi kích thước 605x605x9 5mm (khung nổi LÊ TRẦN CeilTEK Ultra, tấm thạch cao tiêu chuẩn)	m²		143 000													
	Trần nổi kích thước 605x605x9 5mm (khung nổi LÊ TRẦN CeilTEK Pro, tấm thạch cao tiêu chuẩn)	..		137 000													
	Trần chìm (khung chìm LÊ TRẦN MacroTEK S500 mạ nhôm kẽm, tấm thạch cao tiêu chuẩn 12 5mm)	..		170 000													
	Trần chìm (khung chìm LÊ TRẦN MacroTEK S450 mạ nhôm kẽm, tấm thạch cao tiêu chuẩn 9 5mm)	..		148 000													
	Trần chìm (khung chìm LÊ TRẦN MacroTEK S400 mạ nhôm kẽm, tấm thạch cao tiêu chuẩn 9 5mm)	..		143 000													
	Hệ vách ngăn khung LÊ TRẦN WallITEK Pro dày 0,6mm mạ nhôm kẽm	..		192 000													
	Trần chìm ChannelTEK Ultra 38, tấm thạch cao tiêu chuẩn 12,5mm	..		187 000													
	Trần chìm ChannelTEK Pro 38, tấm thạch cao tiêu chuẩn 12,5mm	..		181 000													
	Trần chìm ChannelTEK Ultra 28, tấm thạch cao tiêu chuẩn 12,5mm	..		159 000													
	Trần chìm ChannelTEK Pro 28, tấm thạch cao tiêu chuẩn 9 5mm	..		159 000													
	Trần thạch cao, vách ngăn Vĩnh Tường	..	ASTM C635-07														
	Trần nổi kích thước 610x1210x9mm (Tấm thạch cao tiêu chuẩn phủ PVC, hệ khung VĨNH TƯỜNG SMARTLINE)	..		151 702													
	Trần nổi (Tấm nhôm Skymetal, hệ khung VĨNH TƯỜNG TOPLINE)	..		332 651													
	Trần nổi kích thước 610x1210x9mm (Tấm thạch cao chống ẩm phủ PVC, hệ khung VĨNH TƯỜNG TOPLINE)	..		162 980													
	Trần nổi kích thước 610x1210x3 5mm (Tấm Duraflex in hoa vân nổi, hệ khung VĨNH TƯỜNG TOPLINE)	..		135 010													
	Trần nổi kích thước 610x1210x9mm (Tấm thạch cao tiêu chuẩn phủ PVC, hệ khung VĨNH TƯỜNG FINELINE)	..		140 639													
	Trần chìm phẳng (01 lớp tấm thạch cao tiêu chuẩn Gyproc 12 7mm, hệ khung VĨNH TƯỜNG BASI)	..		154 088													
	Trần chìm phẳng (01 lớp tấm thạch cao tiêu chuẩn Gyproc 9mm, hệ khung VĨNH TƯỜNG BASI)	..		132 127													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ô TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI DỐI VẮM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Trần chìm phẳng (01 lớp tấm thạch cao tiêu chuẩn Gyproc 9mm, hệ khung VĨNH TƯỜNG ALPHA)	..		121 545													
	Trần chìm phẳng (01 lớp tấm thạch cao chống ẩm Gyproc 9mm, hệ khung VĨNH TƯỜNG ALPHA)	..		140 334													
	Trần chìm phẳng (01 lớp tấm thạch cao tiêu chuẩn Gyproc 9mm, hệ khung VĨNH TƯỜNG TIKA)	..		116 288													
	Vách ngăn chống cháy 60 phút (tấm thạch cao Gyproc chống cháy 15 8mm, mỗi mặt 01 lớp) hệ khung VĨNH TƯỜNG V-Wall 51/52	..	ASTM C645-11a	357 698													
	Vách ngăn (tấm thạch cao Gyproc tiêu chuẩn 12 7mm, mỗi mặt 01 lớp) hệ khung VĨNH TƯỜNG V-Wall 75/76	..	ASTM C645-11a	271 036													
18	Sân phẩm sử vệ sinh Đồng Tâm																
	Bộ cầu 2 khối																
	Era (nắp thương, phụ kiện gat) - E0101TGT*	bộ		1 076 900													
	Ruby (nắp thương, phụ kiện gat) - B0707TGT*	..		1 190 200													
	Queen (nắp rơi êm, phụ kiện 2 nhân) - B4429HS2*	..		1 493 800													
	Sand (nắp rơi êm, phụ kiện 2 nhân) - B6464HS2*	..		1 493 800													
	Bộ cầu 1 khối																
	Gold (nắp rơi êm, phụ kiện 2 nhân, Nano) - K3130HS2*-N	..		2 596 000													
	Water (nắp rơi êm, phụ kiện 2 nhân, Nano) - K6730HS2*-N	..		2 695 000													
	Các loại chậu																
	Chậu bàn 01 - LB01L1*	cái		275 000													
	Chậu âm bàn 10 - LB1000*	..		396 000													
	Chậu tròn treo 01 - lỗ lớn - LT01LL*	..		268 400													
	Chậu tròn treo 35 - lỗ lớn - LT35LL*	..		305 000													
	Chậu tròn treo 51 - 1 lỗ - LT51LL*	..		333 300													
	Chậu tròn treo 63 - 1 lỗ - LT63LL*	..		352 000													
	Chậu tròn treo 65 - lỗ lớn - LT65LL*	..		401 500													
	Các loại chân chậu (chỉ tính phần sứ)																
	Chân chậu 01 - PD0100*	cái		247 500													
	Chân chậu Ý - PDY100*	..		247 500													
	Chân chậu 04 - PT400*	..		264 000													
	Chân chậu treo 35 - PT3500*	..		264 000													
	Chân chậu 51 - PT5100*	..		264 000													
	Chân chậu 63 - PT6300*	..		264 000													
	Các loại bồn tiểu																
	Bồn tiểu 01 - UT01XV*	cái		209 000													
	Bồn tiểu 14 - UT14XV*	..		550 000													
	Bồn tiểu 15 - UT15XV*	..		440 000													

SỐ TT	LOẠI VẬT LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT/ QUY CÁCH/ NHÀ SẢN XUẤT/ XUẤT XỨ	TP. CÀ MAU		HUYỆN CÁI NƯỚC	HUYỆN ĐÀM DƠI	HUYỆN NĂM CĂN	HUYỆN NGỌC HIỂN	HUYỆN PHÚ TÂN		HUYỆN THỚI BÌNH		HUYỆN TRẦN VĂN THỜI		HUYỆN U MINH	GHI CHÚ
				NỘI Ở TP. CÀ MAU	XÃ TÁC VÂN					TT. CÁI DÔI VÀM	XÃ PHÚ THUẬN	TT. THỚI BÌNH	XÃ TÂN BẢNG	TT. TRẦN VĂN THỜI	TT. SÔNG ĐỐC		
	Bồn tiêu 64 - UT64XV*	"		589 600													
	Bồn tiêu 65 - UT65XV*	"		599 500													
	<i>Các loại nắp nhựa</i>																
	Nắp thường dùng cho cầu 2 khối - NNHADT*	cái		143 000													
	Nắp rơi êm dùng cho cầu 02 khối - NNHADH*	"		374 000													
	<i>Các loại phụ kiện</i>																
	Phụ kiện gát cầu 2 khối -PKHAGTD	bộ		143 000													
	Phụ kiện treo - PKHAGTT	"		143 000													
	Phụ kiện 02 nhân cầu khối PKRTN2K	"		308 000													
	Phụ kiện 02 nhân cầu khối 65 PKSN2KO	"		308 000													
	Phụ kiện 02 nhân cầu khối 67, 54, 55 PKSN2KV	"		308 000													
	Phụ kiện 2 nhân cầu 02 khối - PKHAN2D, PKSIN2D, PKSIN2V, BKSIN2O	"		308 000													
	Bộ pat chậu (LT04, LT01, LT35, LT51, LT63, LT65)	"		33 000													
	<i>Các loại thân cầu và thùng nước rời</i>																
	Thân cầu Era - CE0109*	cái		737 000													
	Thân cầu Ruby - CD0725*	"		847 000													
	Thân cầu Queen - CD4430*	"		957 000													
	Thân cầu Sand - CD6430*	"		957 000													
	Cầu thấp 04 (**)	"		323 750													
	Thùng nước cầu Era - TE01GT*	"		407 000													
	Thùng nước cầu Ruby - TD07GT*	"		440 000													
	Thùng nước cầu Queen - TD29N1*	"		550 000													
	Thùng nước cầu Sand - TD64N1*	"		550 000													
	Thùng nước treo 06 - TD06GT	"		440 000													
19	Nhiên liệu																
	Xăng E5 RON 92	Lít		25 021													
	Dầu DO 0 5%S	"		20 212													
20	Cừ trầm (Tại tuyến lộ xe Cà Mau - U Minh đoạn ở xã Nguyễn Phúc)																
	Cừ trầm 4,7m, ĐK ngọn = 5-6cm	Cây	Giá có thể thay đổi													28 750	
	Cừ trầm 4,7m, ĐK ngọn = 4,2-4,5cm	Cây	theo điều kiện													23 000	
	Cừ trầm 4,7m, ĐK ngọn = 3,8-4,2cm	"	thanh toán và giao hàng cụ thể														20 750

Ghi chú:

- Mức giá trên đã tính thuế VAT, là mức giá bình quân niêm yết tại kho bãi, cửa hàng nơi bán (bao gồm cát, đá các loại), chưa tính chi phí bốc xếp, vận chuyển đến hiện trường xây dựng công trình. Đối với vật liệu cát, đá các loại, mua trực tiếp từ các tỉnh khác vận chuyển thẳng đến công trình (không qua kho bãi trung gian tại các cửa hàng ở tỉnh Cà Mau) thì chủ đầu tư phải tổ chức khảo sát, xác định giá cho phù hợp.
- Đối với những vật liệu trong công bố chưa ghi rõ tiêu chuẩn sản xuất hoặc chỉ ghi nguồn gốc xuất xứ là những loại vật liệu theo quy cách phổ biến trên thị trường Cà Mau (chưa xác định hoặc không xác định được tiêu chuẩn sản xuất)